

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

NGÀNH: QUẢN TRỊ KINH DOANH (TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ)

MÃ NGÀNH: 8340101

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1445/QĐ-NTT ngày 01 tháng 10 năm 2022
của Hiệu trưởng Trường Đại học Nguyễn Tất Thành)

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Giới thiệu về chương trình đào tạo

Tên ngành đào tạo

- + Tên tiếng Anh: The Degree of Master of Business Administration
- + Tên tiếng Việt: Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh

Trình độ đào tạo: Thạc sĩ – Bậc 7

Định hướng đào tạo: ☐ Nghiên cứu ☒ Ứng dụng

Khóa học áp dụng: Từ 2022

Thời gian đào tạo: 02 năm

Tên văn bằng tốt nghiệp: Thạc sĩ Quản trị kinh doanh

Đơn vị đào tạo:

- + Khoa Quản trị kinh doanh
- + Địa chỉ văn phòng: Lầu 1, 331 Quốc lộ 1A, P. An Phú Đông, Quận 12, TPHCM
- + Điện thoại liên lạc: 19002039, số nội bộ: 429

2. Các tiêu chí tuyển sinh và chuẩn đầu vào của chương trình đào tạo

Căn cứ Thông tư 23/2021/TT-BGDĐT ngày 30/8/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ Thạc sĩ, Người dự tuyển sinh đào tạo Thạc sĩ Quản trị kinh doanh phải có các điều kiện sau đây:

Đối tượng xét tuyển

- Về văn bằng tốt nghiệp

- + Đã tốt nghiệp hoặc đã đủ điều kiện công nhận tốt nghiệp đại học (hoặc trình độ tương đương trở lên) ngành phù hợp;
- + Văn bằng đại học do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp phải thực hiện thủ tục công nhận theo quy định hiện hành.

- Về trình độ ngoại ngữ

+ Bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên ngành ngôn ngữ nước ngoài; hoặc bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên mà chương trình được thực hiện hơn 50% chương trình học bằng ngôn ngữ nước ngoài.

+ Bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên do Trường Đại học Nguyễn Tất Thành cấp trong thời gian không quá 02 năm mà chuẩn đầu ra của chương trình đã đáp ứng yêu cầu ngoại ngữ đạt trình độ Bậc 3 trở lên theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam.

+ Một trong các văn bằng hoặc chứng chỉ ngoại ngữ đạt trình độ tương đương Bậc 3 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam hoặc các chứng chỉ tương đương khác theo phụ lục Thông tư 23/2021 của Bộ GD&ĐT, còn hiệu lực tính đến ngày đăng ký dự tuyển.

+ Ứng viên dự tuyển là công dân nước ngoài nếu đăng ký theo học phải đạt trình độ tiếng Việt từ Bậc 4 trở lên theo Khung năng lực tiếng Việt dùng cho người nước ngoài hoặc đã tốt nghiệp đại học (hoặc trình độ tương đương trở lên) mà chương trình đào tạo được giảng dạy bằng tiếng Việt; đáp ứng yêu cầu về ngoại ngữ thứ hai theo quy định của trường đã học (nếu có).

- Về kinh nghiệm và công tác chuyên môn:

+ Những người có bằng tốt nghiệp đại học ngành phù hợp thì được dự tuyển ngay.

+ Những người thuộc diện phải học bổ sung kiến thức thì được dự tuyển sau khi đã học bổ sung kiến thức.

- Về đối tượng ưu tiên:

+ Đối tượng ưu tiên gồm: Thương binh, con thương binh, con bệnh binh, con liệt sĩ, anh hùng lực lượng vũ trang, anh hùng lao động, công dân Việt Nam là dân tộc thiểu số.

+ Người thuộc đối tượng ưu tiên được cộng thêm 0,5 điểm theo thang điểm 10.

- *Điều kiện khác:* lý lịch bản thân rõ ràng, không đang trong thời gian thi hành kỷ luật từ mức cảnh cáo trở lên và không đang trong thời gian thi hành án hình sự;

- Có đủ sức khỏe để học tập.

- Nộp hồ sơ đầy đủ, đúng hạn.

3. Chuẩn đầu ra Chương trình đào tạo (viết tắt là: PLO)

Thạc sĩ Quản trị kinh doanh	
Sau khi hoàn tất chương trình, học viên tốt nghiệp có thể:	
<u>Kiến thức</u>	
PLO1	Đánh giá môi trường hoạt động và nguồn lực của tổ chức, doanh nghiệp để, để xây dựng chiến lược và kế hoạch phát triển cho tổ chức, doanh

	ngành.
PLO2	Đề xuất các giải pháp sử dụng nguồn lực, nâng cao giá trị cho tổ chức doanh nghiệp và toàn xã hội.
PLO3	Kết hợp các phương pháp khoa học để thiết kế các nghiên cứu, đề án, dự án cho tổ chức, doanh nghiệp.
<u>Kỹ năng</u>	
PLO4	Giải quyết kịp thời và hiệu quả các vấn đề về tổ chức, con người, thông tin, truyền thông và các vấn đề phát sinh khác một cách khoa học, sáng tạo.
PLO5	Phối hợp các phương tiện và công nghệ hiện đại, hệ thống thông tin để đánh giá và quản lý các hoạt động tổ chức, doanh nghiệp.
PLO6	Giao tiếp hiệu quả bằng lời nói, văn bản, đa phương tiện bằng tiếng Việt và ngoại ngữ trong môi trường đa toàn cầu và văn hóa
<u>Năng lực tự chủ và trách nhiệm</u>	
PLO7	Tôn trọng pháp luật, thể hiện sự hiểu biết đa văn hóa, chuẩn mực đạo đức và trách nhiệm cá nhân, phát triển bền vững cho tổ chức, doanh nghiệp và cộng đồng.
PLO8	Định hướng phát triển nghề nghiệp rõ ràng, thể hiện tinh thần lãnh đạo, hướng dẫn người khác thực hiện nhiệm vụ và học tập suốt đời.

4. Các điều kiện bảo vệ đề án

- Học viên hoàn thành tất cả các môn học trong chương trình đào tạo.
- Có đơn xin bảo vệ đề án thạc sĩ, đồng thời phải có ý kiến của người hướng dẫn khoa học là đề án đạt các yêu cầu và đồng ý cho học viên bảo vệ đề án.
- Đáp ứng tỷ lệ trùng lặp đạo văn theo quy định của Nhà trường.
- Học viên không trong thời gian bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc bị kỷ luật đình chỉ học tập.
- Không trong thời gian xem xét giải quyết tố cáo theo quy định của pháp luật về nội dung khoa học trong đề án.
- Hoàn thành việc đóng học phí và kinh phí theo quy định.

5. Các điều kiện tốt nghiệp

- Có trình độ ngoại ngữ đạt trình độ tương đương Bậc 4 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam quy định hoặc các chứng chỉ tương đương khác do Bộ Giáo dục và Đào tạo công bố, hoặc bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên ngành ngôn ngữ nước ngoài, hoặc bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên ngành khác mà chương trình được thực hiện hoàn toàn bằng ngôn ngữ nước ngoài;

- Bảo vệ đề án đạt yêu cầu có điểm đạt từ 5,5 trở lên;
- Đã nộp đề án được Hội đồng đánh giá đạt yêu cầu trở lên theo đúng thời gian 30 ngày sau khi bảo vệ, có xác nhận của người hướng dẫn và Chủ tịch Hội đồng về việc đề án đã được chỉnh sửa theo kết luận của Hội đồng, đóng kèm bản sao kết luận của Hội đồng đánh giá đề án và nhận xét của các phản biện cho Viện Đào tạo Sau đại học để sử dụng làm tài liệu tham khảo tại Thư viện và lưu trữ;
- Hoàn thành lệ phí tốt nghiệp theo quy định.

6. Thang điểm

Điểm học phần được chuyển thành điểm chữ và thang điểm 10 cụ thể như sau:

TT	Thang điểm 10	Điểm quy đổi sang điểm chữ	Thang điểm 4	Xếp loại
a) Loại đạt:				
1.	8,5 – 10,0	A	4	Giỏi
2.	7,0 – 8,4	B	3	Khá
3.	5,5 – 6,9	C	2	Trung bình
b) Loại không đạt:				
4.	Dưới 5,5	F	0	Kém

II. MỤC TIÊU ĐÀO TẠO

Mục tiêu chung:

Đào tạo thạc sĩ quản trị kinh doanh có phẩm chất đạo đức và năng lực quản lý điều hành tổ chức doanh nghiệp; có năng lực đổi mới, sáng tạo và tinh thần học tập suốt đời.

Phát triển kiến thức chuyên sâu và các phương pháp quản lý hiện đại, kỹ năng mềm và năng lực thích ứng trong môi trường kinh doanh toàn cầu.

Mục tiêu cụ thể:

Sau khi tốt nghiệp, người tốt nghiệp có thể:

- **PEO1:** Hệ thống được kiến thức và hiểu biết mới nhất về lý thuyết và thực tiễn trong các lĩnh vực tiếp thị, tài chính, nhân sự, điều hành sản xuất, dịch vụ trong tổ chức, doanh nghiệp.

- **PEO2:** Áp dụng được kiến thức, phương pháp khoa học và kỹ năng vào các tình huống kinh doanh một cách linh hoạt, sáng tạo.

- **PEO3:** Phát huy năng lực đổi mới và thích ứng trong kinh doanh, quản lý và nghiên cứu, cùng với các kỹ năng giao tiếp và chuyên môn trong môi trường hội nhập toàn cầu và chuyển đổi số.

- **PEO4:** Phát huy giá trị đa văn hóa, thượng tôn luật pháp Việt Nam và thực hành các luật lệ và quy tắc kinh doanh quốc tế.
- **PEO5:** Định hướng rõ về phát triển nghề nghiệp và tự học suốt đời, thể hiện sự hiểu biết về các chuẩn mực đạo đức và trách nhiệm xã hội.

Sự phù hợp của mục tiêu đào tạo và chuẩn đầu ra chương trình

Mục tiêu đào tạo (PO)	Chuẩn đầu ra của CTĐT (PLOs)							
	PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8
PEO1	x	x						
PEO2			x	x	x	x	x	
PEO3		x	x	x	x	x		x
PEO4	x						x	
PEO5		x						x

III. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH

1. Nguyên tắc thiết kế chương trình đào tạo

- Tổ Soạn thảo và Cập nhật chương trình đào tạo Thạc sĩ QTKD được thành lập theo quyết định của Trường để thực hiện việc rà soát và soạn thảo cập nhật chương trình.
- Phân tích năng lực nghề nghiệp của người làm nghề quản trị gồm năng lực chung của nhà quản trị và năng lực chuyên môn của chuyên ngành đào tạo Quản trị kinh doanh trong môi trường hội nhập quốc tế và thời đại công nghiệp 4.0.
- So sánh đối chiếu đảm bảo tuân thủ với Luật giáo dục đại học, Khung trình độ quốc gia và Thông tư quy định về khối lượng kiến thức của trình độ thạc sĩ (bậc 7).
- Tổ chức Hội thảo DACUM để lấy ý kiến các Nhà quản trị, người lãnh nghề, nhà nghiên cứu (viện, trường), các học viên tốt nghiệp Thạc sĩ QTKD của trường về: các năng lực, công việc cần thực hiện theo từng năng lực; các kỹ năng cần có và các yêu cầu đặc biệt và tiên tiến khác của thời đại. Phân tích và tổng hợp ý kiến và xây dựng các Năng lực của Học viên tốt nghiệp.
- Xây dựng Mục tiêu Chương trình đào tạo thạc sĩ Quản trị kinh doanh.
- Xây dựng Chuẩn Đầu ra/ Kết quả học tập mong đợi của Chương trình đào tạo.
- Lập ma trận tương quan giữa các yêu cầu năng lực học viên tốt nghiệp, mục tiêu chương trình đào tạo và chuẩn đầu ra của chương trình.
- Thiết kế cấu trúc Chương trình đào tạo Thạc sĩ Quản trị kinh doanh cân đối giữa 3 khối kiến thức: Khối kiến thức chung, Khối kiến thức chuyên ngành (cơ sở ngành) và

Khối kiến thức của chuyên sâu (chuyên ngành); Số lượng tín chỉ tuân thủ theo quy định của Bộ GD&ĐT và Khung trình độ Quốc gia.

- Xác định các môn học cần đưa vào chương trình giảng dạy nhằm đáp ứng chuẩn đầu ra của Chương trình đào tạo. Đối chiếu, so sánh với các chương trình đào tạo trong nước và quốc tế cùng trình độ, cùng chuẩn chất lượng theo ngành Quản trị kinh doanh và liên ngành để hoàn thiện chương trình đào tạo.

- Xây dựng Đề cương chi tiết các học phần dựa trên Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo, phương pháp kiểm tra đánh giá, nội dung giảng dạy để học viên đạt được các kết quả học tập mong đợi.

- Thiết kế lộ trình học tập có tính kết nối hệ thống giữa các môn học lý thuyết, môn học thực hành trong trường và môn học thực hành ngoài trường nhằm giúp học viên đạt được chuẩn đầu ra.

- Tổ chức hội thảo lấy ý kiến các bên liên quan, báo cáo để Hội đồng Khoa học và Đào tạo cấp Khoa thẩm định. Báo cáo nhà Trường để tiến hành thủ tục thẩm định chính thức, có hiệu lực và ban hành áp dụng.

2. Mối liên hệ của các học phần/môn học trong việc hình thành năng lực

CÁC NĂNG LỰC NGHỀ (GA) CHỦ YẾU CỦA HVTN	CÁC MÔN HỌC/ HỌC PHẦN/ MODULE		THỜI LƯỢNG	
	Tên	Số lượng môn	Số TC	Tỉ lệ (%)
C1	Triết học (3 tín chỉ)	4 môn	8-10 tín chỉ	13-17%
	Tiếng Anh chuyên ngành (2 tín chỉ)			
	Lãnh đạo (3 tín chỉ)			
	Hành vi tổ chức (2 tín chỉ)			
C2	Quản trị Vận hành (2 tín chỉ)	8 môn	14-16 tín chỉ	23-27%
	Quản trị Chiến lược (2 tín chỉ)			
	Quản trị Marketing (2 tín chỉ)			
	Quản trị Nguồn nhân lực (2 tín chỉ)			
	Tài chính cho nhà quản trị (2 tín chỉ)			
	Quản trị các tổ chức công (2 tín chỉ)			
	Quản trị Chuỗi cung ứng toàn cầu (2 tín chỉ)			
C3	Quản trị Kinh doanh Quốc tế (2 tín chỉ)	5 môn	25 tín chỉ	42%
	Phương pháp nghiên cứu trong kinh doanh (3 tín chỉ)			
	Kinh doanh số (2 tín chỉ)			
	Quản trị dự án đầu tư (2 tín chỉ)			
	Thực tập (9 tín chỉ)			
C4	Đề án (9 tín chỉ)	6 môn	10-13 tín chỉ	17-22%
	Nhà nước và Pháp luật Việt Nam đương đại (2 tín chỉ)			
	Quản trị quan hệ khách hàng – CRM (2 tín chỉ)			

	Quản trị đàm phán (2 tín chỉ)			
	Hệ thống Thông tin quản lý (2 tín chỉ)			
	Truyền thông Marketing tích hợp (2 tín chỉ)			
	Đạo đức kinh doanh và Trách nhiệm xã hội doanh nghiệp (3 tín chỉ)			
C5	Tư duy phản biện và giải quyết vấn đề (2 tín chỉ)	5 môn	6 - 12 tín chỉ	10 - 20%
	Sáng tạo và khởi nghiệp (2 tín chỉ)			
	Quản trị rủi ro và sự thay đổi (2 tín chỉ)			
	Đạo đức kinh doanh và Trách nhiệm xã hội doanh nghiệp (3 Tín chỉ)			
	Lãnh đạo (3 Tín chỉ)			

3. Tóm tắt các khối lượng kiến thức

Kiến thức toàn khóa học: 60 tín chỉ

Hướng ứng dụng:

Kiến thức	Tổng số tín chỉ	Tỷ lệ (%)
Kiến thức đại cương/Khoa học cơ bản	6 tín chỉ	10%
Kiến thức cơ sở và cốt lõi ngành		
- Cơ sở ngành	14 tín chỉ	23%
- Cốt lõi ngành	22 tín chỉ	37%
Chuyên đề 1 (Bắt buộc): Phân tích hoạt động DN	5 tín chỉ	8%
Chuyên đề 2 (Tự chọn): Seminar KD toàn cầu và công ty đa quốc gia/QT Chiến lược trong bối cảnh toàn cầu hóa/Phát triển kỹ năng lãnh đạo.	4 tín chỉ	7%
Đề án	9 tín chỉ	15%

4. Danh mục các học phần trong chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ chuyên ngành Quản trị kinh doanh

Mã số học phần	Tên học phần	Khối lượng (tín chỉ)		
		Tổng số	LT	TH, TN, TL
Kiến thức đại cương/Khoa học cơ bản		6	5	1
073318	Triết học	3	3	0
073925	Phương pháp nghiên cứu trong kinh doanh	3	2	1
Phần kiến thức cơ sở và cốt lõi ngành		36	32-34	2-4
Các học phần bắt buộc		30	28	2
076185	Quản trị chiến lược	2	2	0
076182	Quản trị Marketing	2	2	0

076196	Quản trị nguồn nhân lực	2	2	0
076806	Tài chính cho nhà quản trị	2	2	0
076186	Lãnh đạo – Leadership	3	3	0
076790	Đạo đức kinh doanh và Trách nhiệm xã hội doanh nghiệp	3	3	0
076192	Kinh doanh số	2	2	0
076188	Hệ thống thông tin quản lý	2	2	0
073944	Truyền thông Marketing tích hợp	2	1	1
076810	Hành vi tổ chức	2	2	0
076183	Quản trị vận hành	2	2	0
076191	Quản trị rủi ro và thay đổi	2	2	0
076809	Quản trị Kinh doanh quốc tế	2	2	0
076789	Quản trị chuỗi cung ứng toàn cầu	2	1	1
<i>Các học phần lựa chọn</i>		6	4-6	0-2
076250	Quản trị các tổ chức công	2	2	0
076249	Nhà nước và Pháp luật Việt Nam đương đại	2	2	0
076187	Tư duy phản biện và giải quyết vấn đề	2	2	0
076190	Sáng tạo và khởi nghiệp	2	2	0
076193	Quản trị đàm phán	2	2	0
073935	Quản trị quan hệ khách hàng - CRM	2	1	1
076808	Quản trị dự án đầu tư	2	2	0
076807	Tiếng Anh chuyên ngành	2	1	1
Thực tập và tốt nghiệp (theo định hướng ứng dụng)		18	0	18
076813	Chuyên đề: Phân tích hoạt động của Doanh nghiệp	5	0	5
076814	Seminar về các Xu hướng quản trị trong bối cảnh thương mại xuyên biên giới	4	0	4
076812	Đề án	9	0	9
Tổng cộng:		60		

5. Phân bổ tiến độ giảng dạy các học phần dự kiến:

T T	MÃ SỐ	TÊN HỌC PHẦN	Tín chỉ	Số tiết			Phương pháp giảng dạy	Phương pháp kiểm tra đánh giá
				LT	TH	Tự học		
HỌC KỲ 1								
Học phần bắt buộc			12					
1	073318	Triết học	3	45	0	105	Thuyết giảng, phân tích tình huống, thảo luận	Thuyết trình, tiểu luận, tự luận

T T	MÃ SỐ	TÊN HỌC PHẦN	Tín chỉ	Số tiết			Phương pháp giảng dạy	Phương pháp kiểm tra đánh giá
				LT	TH	Tự học		
2	076790	Trách nhiệm xã hội doanh nghiệp	3	45	0	105	Thuyết giảng, phân tích tình huống, thảo luận	Quiz, Thuyết trình, Tiểu luận
3	076182	Quản trị Marketing	2	30	0	70	Thuyết giảng, phân tích tình huống, thảo luận	Thuyết trình, Tự luận
4	076183	Quản trị vận hành	2	30	0	70	Thuyết giảng, phân tích tình huống, thảo luận, thực hành	Thuyết trình, Tiểu luận
5	076196	Quản trị nguồn nhân lực	2	30	0	70	Thuyết giảng, phân tích tình huống, thảo luận	Thuyết trình, Tiểu luận
HỌC KỲ 2								
Học phần bắt buộc			12					
1	073925	Phương pháp NC trong KD	3	30	30	90	Thuyết giảng, thực hành, bài tập	Thuyết trình, Tiểu luận
2	076806	Tài chính cho nhà quản trị	2	30	0	70	Thuyết giảng, phân tích tình huống, thảo luận, thực hành	Thuyết trình, Tiểu luận
3	076185	Quản trị chiến lược	2	30	0	70	Thuyết giảng, phân tích tình huống, thảo luận	Thuyết trình, Tiểu luận
4	076186	Lãnh đạo	3	45	0	105	Thuyết giảng, phân tích tình huống, thảo luận	Thuyết trình, Tiểu luận
5	076188	Hệ thống thông tin quản lý	2	30	0	70	Thuyết giảng, phân tích tình huống, thực hành	Bài tập, Thuyết trình, Tự luận
Học phần tự chọn			0-6					
1	076187	Tư duy phản biện và giải quyết vấn đề	2	30	0	70	Phân tích tình huống, thảo luận	Thuyết trình, Tiểu luận
2	076807	Tiếng Anh chuyên ngành	2	15	30	55	Tương tác, bốn kỹ năng	Thuyết trình, Tự luận
3	076250	Quản trị các tổ chức công	2	30	0	70	Thuyết giảng, phân tích tình huống, thảo luận	Quiz, Thuyết trình, Tự luận
4	076808	Quản trị dự án đầu tư	2	30	0	70	Thuyết giảng, phân tích tình huống, thực hành	Thuyết trình, Tự luận
HỌC KỲ 3								
Học phần bắt buộc			12					
1	076192	Kinh doanh số	2	30	0	70	Thuyết giảng, thực hành, phân tích tình huống	Bài phân tích tình huống, Tiểu luận
2	073944	Truyền thông	2	15	30	55	Thuyết giảng, thực	Quiz, Thuyết

T T	MÃ SỐ	TÊN HỌC PHẦN	Tín chỉ	Số tiết			Phương pháp giảng dạy	Phương pháp kiểm tra đánh giá
				LT	TH	Tự học		
		Marketing tích hợp					hành, phân tích tình huống	trình, Tiểu luận
3	076191	Quản trị rủi ro và sự thay đổi	2	30	0	70	Thuyết giảng, phân tích tình huống, thảo luận	Thuyết trình, Tiểu luận
4	076809	Quản trị Kinh doanh quốc tế	2	30	0	70	Thuyết giảng, phân tích tình huống, thảo luận	Thuyết trình, Tiểu luận
5	076789	Quản trị chuỗi cung ứng toàn cầu	2	15	30	55	Thuyết giảng, phân tích tình huống, bài tập thực hành	Thuyết trình, Tự luận
6	076810	Hành vi tổ chức	2	30	0	70	Thuyết giảng, thực hành, phân tích tình huống	Thuyết trình, Tiểu luận
Học phần tự chọn			0-6					
1	073935	Quản trị quan hệ khách hàng	2	15	30	70	Thuyết giảng, phân tích tình huống, bài tập thực hành	Bài tập, Thuyết trình, Tự luận
2	076193	Quản trị đàm phán	2	30	0	70	Thuyết giảng, phân tích tình huống, đóng vai	Thuyết trình, Tự luận
3	076190	Sáng tạo và khởi nghiệp	2	30	0	70	Thuyết giảng, phân tích tình huống, thảo luận	Thuyết trình, Tiểu luận
4	076249	Nhà nước và pháp luật Việt Nam đương đại	2	30	0	70	Thuyết giảng, thuyết trình, thảo luận, bài tập	Thuyết trình, Tiểu luận
HỌC KỲ 4								
Học phần bắt buộc			18					
1	076813	Chuyên đề: Phân tích hoạt động của Doanh nghiệp	5	0	150	100	Phân tích tình huống, thuyết trình	Báo cáo (bài báo kỷ yếu cấp khoa trở lên)
	076814	Seminar về các Xu hướng quản trị trong bối cảnh thương mại xuyên biên giới	4		120	80	Phân tích tình huống, thảo luận	Phân tích tình huống (hoặc bài báo kỷ yếu cấp khoa trở lên)
2	076812	Đề án tốt nghiệp	9	0	270	180	Giải quyết vấn đề nghiên cứu thực tiễn	Đánh giá đề án trước hội đồng

6. Sự đóng góp của các học phần cho Chuẩn đầu ra chương trình

TT	Mã môn học	Tên môn học	Kết quả học tập mong đợi/Chuẩn đầu ra		
			Kiến thức	Kỹ năng	Tự chủ và trách nhiệm

			PLO 1	PLO 2	PLO 3	PLO 4	PLO 5	PLO 6	PLO 7	PLO 8
1	073318	Triết học		I		I				I
2	073925	Phương pháp NC trong KD		P	M	P	M		I	I
3	076185	Quản trị chiến lược	M	M		I	I			I
4	076182	Quản trị Marketing	P	M	I	P		P	P	
5	076196	Quản trị Nguồn nhân lực	P	M		M		P	P	I
6	076806	Tài chính cho nhà quản trị	P	P	I	I	I	I	P	
7	076186	Lãnh đạo - Leadership		P		M	I	M	I	P
8	076790	Đạo đức kinh doanh và Trách nhiệm xã hội doanh nghiệp	I	I		M		I	P	I
9	076192	Kinh doanh số	P	P		P	M	P	P	I
10	076188	Hệ thống thông tin quản lý	I	P	P	P	M		I	
11	073944	Truyền thông Marketing tích hợp		I	I	P	P	P	I	I
12	076810	Hành vi tổ chức	I	P	P	M		P	M	
13	076183	Quản trị vận hành	I	P		M	I	I	M	
14	076808	Quản trị dự án đầu tư		P	M	I	P		P	
15	076809	Quản trị Kinh doanh quốc tế	P	P		I	I	P	P	
16	076789	Quản trị Chuỗi cung ứng toàn cầu	P	P	I	M	I	P	P	I
17	076250	Quản trị các tổ chức công *	P	P		P		I	P	I
18	076249	Nhà nước và pháp luật VN đương đại	I	I	I	P	I	P	M	I
19	076187	Tư duy phản biện và giải quyết vấn đề		P		M	I	P	P	P
20	076190	Sáng tạo và khởi nghiệp		I	I	M	P	I	I	M
21	076193	Quản trị đàm phán		P		M	I	M	P	
22	073935	Quản trị quan hệ khách hàng	I	P		M	I	M	P	I
23	076191	Quản trị rủi ro và sự thay đổi	P	I		M		I	I	I
24	076807	Tiếng Anh chuyên ngành		I		I		M	I	I
25	076813	Chuyên đề: Phân tích hoạt động của Doanh nghiệp	P	P	I	P	I	P	I	I
26	076814	Seminar về các Xu hướng quản trị trong bối cảnh thương mại xuyên biên giới	P	P	I	I	I	P	I	I
27	076812	Đề án	M	M	M	M	M	M	M	P

7. Mô tả tóm tắt nội dung các học phần

(1) Triết học (3TC)

Nội dung: Học phần nghiên cứu hệ thống quan điểm và học thuyết khoa học của C.Mác, Ph.Ăngghen và V.I.Lênin về triết học, một trong ba bộ phận cấu thành của chủ nghĩa Mác – Lênin. Nội dung học phần được cấu trúc bao gồm vai trò của triết học Mác – Lênin trong đời sống xã hội; Chủ nghĩa duy vật biện chứng; Phần thứ ba: Chủ nghĩa duy vật lịch sử; các vấn đề về hàng hóa và thị trường, sản xuất giá trị thặng dư, cạnh tranh và độc quyền trong nền kinh tế thị trường; kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa; công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập kinh tế quốc tế ở Việt Nam trong thời kỳ quá độ.

(2) Phương pháp nghiên cứu trong kinh doanh (3TC)

Học phần cung cấp các kiến thức của phương pháp nghiên cứu khoa học kinh doanh, cụ thể: Hướng dẫn, đào tạo cho học viên các kỹ năng xác định vấn đề nghiên cứu; khảo sát và thu thập thông tin; xử lý dữ liệu bằng các phương pháp phù hợp bằng ứng dụng các phần mềm thống kê; Huấn luyện học viên phương pháp và kỹ năng phân tích tổng hợp nhằm đề xuất giải pháp cho vấn đề cần nghiên cứu và viết báo cáo nghiên cứu; Tích hợp rèn luyện các kỹ năng tư duy phản biện, sáng tạo, kỹ năng giải quyết vấn đề và đạo đức trong nghiên cứu.

(3) Quản trị Chiến lược (2TC)

Quản trị chiến lược xem xét và phân tích tình hình hoạt động của doanh nghiệp, các vấn đề về lập chiến lược và thực thi chiến lược theo quan điểm của giám đốc doanh nghiệp, cung cấp khung tổng quát để quản lý tổ chức và các bộ phận chức năng. Học phần cung cấp những kiến thức căn bản về những nguyên lý quản trị chiến lược và sự vận dụng thực tiễn doanh nghiệp như: những khái niệm về chiến lược và quản trị chiến lược các mô hình quản trị chiến lược, ứng dụng nguyên lý và chức năng quản trị vào chiến lược của doanh nghiệp (hoạch định chiến lược, tổ chức thực hiện chiến lược, đánh giá, kiểm soát và điều chỉnh) thay đổi chiến lược doanh nghiệp phù hợp dưới những điều kiện môi trường, xu hướng phát triển thị trường và nguồn lực của doanh nghiệp.

(4) Quản trị Marketing (2TC)

Môn học nhằm trang bị cho học viên những kiến thức chuyên sâu về quản trị marketing, bao gồm việc phân tích các nguyên lý, giá trị, mục đích của quản trị marketing trong kinh doanh; nền tảng và các triết lý quan trọng của marketing trong các mô hình kinh doanh hiện đại. Đồng thời phát triển tư duy và kỹ năng thực tiễn quản trị Marketing, cũng như luận bàn các phương pháp, các kỹ thuật quản lý, kiểm soát marketing để người học có được kiến thức và kỹ năng nâng cao về quản trị marketing hiện đại.

(5) Quản trị Nguồn nhân lực (2TC)

Quản trị nguồn nhân lực cung cấp cho học viên kiến thức về sự phát triển và kỹ năng nâng cao trong xây dựng chiến lược quản trị nguồn nhân lực; đặc điểm, nguyên tắc & vai trò, yêu cầu đối người quản lý trong công tác quản trị nhân lực trong các bộ phận/đơn vị trong thời đại mới; vai trò, nhiệm vụ, qui trình & kỹ thuật phỏng vấn tuyển dụng nhân viên mới; mục tiêu, nguyên tắc, nội dung bố trí, sử dụng nhân lực; đánh giá đội ngũ và quyết định của người quản lý; đào tạo và phát triển nhân viên; cơ chế và kỹ năng tạo động lực, động viên.

(6) Tài chính cho nhà Quản trị (2TC)

Môn học giúp học viên thao tác được các kỹ năng quản trị tài chính, bao gồm phân tích tài chính báo cáo tài chính, sử dụng lá chắn thuế, quản trị phải thu, tồn kho, phân tích rủi ro kinh doanh, rủi ro tài chính, kiểm soát chi phí, quyết định mua tài sản.

(7) Lãnh đạo - Leadership (3TC)

Nghệ thuật lãnh đạo cung cấp cho sinh viên những kiến thức và kỹ năng cơ bản về nghệ thuật lãnh đạo như: Vai trò và trách nhiệm của người lãnh đạo, các phong cách lãnh đạo theo quyền lực, các phong cách lãnh đạo theo tình huống, bản lĩnh của một nhà lãnh đạo và các kỹ năng lãnh đạo.

(8) Đạo đức kinh doanh và Trách nhiệm xã hội doanh nghiệp (3TC)

Khóa học cung cấp một khung khái niệm, phân tích và thảo luận về các vấn đề xung quanh mối quan hệ kinh doanh và trách nhiệm xã hội. Cấu trúc, chương và tình huống môn học xác định và thu hút các chủ đề chính liên quan đến việc phát triển sự hiểu biết sâu rộng về kinh doanh và xã hội, hoặc kinh doanh trong xã hội. Môn học cũng cung cấp một cơ sở vững chắc cho học viên học hỏi, suy ngẫm và phân tích chu đáo về các vấn đề trong nước và toàn cầu mà các doanh nghiệp đang phải đối mặt ngày nay.

(9) Kinh doanh số (2TC)

Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản về kinh doanh điện tử, hệ thống kinh doanh điện tử, chiến lược kinh doanh và marketing điện tử, các mô hình kinh doanh điện tử, kiến trúc kinh doanh điện tử, cơ sở hạ tầng cho kinh doanh điện tử, quản lý chuỗi cung ứng, kế hoạch thực hiện kinh doanh điện tử. Bên cạnh đó thông qua các bài tập tình huống sẽ giúp cho người học có được những kỹ năng về phân tích vấn đề liên quan đến hoạt động kinh doanh điện tử của tổ chức.

(10) Hệ thống thông tin quản lý (2TC)

Môn học cung cấp cho sinh viên cao học những kiến thức chung về ứng dụng công nghệ thông tin, và nâng cao về các hệ thống thông tin quản lý (HTTTQL) trong tổ chức và doanh nghiệp. Môn học còn cung cấp cho sinh viên kiến thức về quy trình phân tích và thiết kế hệ thống, quản lý hệ thống thông tin, kiến thức về chính phủ điện tử và các mô hình kinh doanh trên nền tảng số. Ngoài ra, môn học cũng phân tích về phương pháp đánh giá, phát triển hệ thống thông tin và một số vấn đề quản trị hệ thống thông tin trong giai đoạn của cuộc cách mạng số và nền kinh tế tri thức.

(11) Truyền thông Marketing tích hợp (2TC)

Truyền thông Marketing tích hợp cung cấp cho học viên những kiến thức và kỹ năng chuyên sâu về quản trị truyền thông tích hợp, bao gồm: Phân tích các nguyên tắc quản trị truyền thông tích hợp, quá trình truyền thông tích hợp, quá trình ra quyết định tiêu dùng, phân khúc thị trường và định vị; Lập kế hoạch truyền thông marketing tích hợp và đo lường hiệu quả truyền thông; Lựa chọn tổ hợp các phương tiện truyền thông bao gồm: chiêu thị,

bán hàng cá nhân, khuyến mãi, quan hệ cộng đồng, sự kiện, quảng cáo và truyền thông mạng xã hội để quyết định triển khai.

(12) Hành vi tổ chức (2TC)

Học phần này cung cấp cho học viên những kiến thức và kỹ năng chuyên sâu về hành vi của cá nhân trong nhóm, hành vi nhóm trong tổ chức, hệ thống của tổ chức. Học phần này cũng giúp cho học viên có thể biết các yếu tố tác động đến các hành vi của cá nhân trong tổ chức như năng suất, tỉ lệ vắng mặt, mức chuyển đổi và sự hài lòng trong công việc, các cách thức tương tác và vận hành của nhóm và tổ chức. Đối với nhân viên, thông qua môn học sẽ hiểu rõ bản thân mình hơn, hiểu rõ những kỳ vọng của nhà quản lý đối với mình hơn để có những điều chỉnh thích hợp. Học viên sẽ nhận thức và nắm bắt sự khác biệt của cá nhân, các vấn đề và cơ hội trong việc quản lý nguồn nhân lực và từ đó thực hiện các sáng kiến đa dạng, đóng góp vào hiệu quả tổ chức.

(13) Quản trị Vận hành (2TC)

Môn học nhằm trang bị cho học viên các kiến thức và kỹ năng chuyên sâu về quản trị vận hành một doanh nghiệp hay tổ chức như các hoạt động tạo ra sản phẩm vật chất cũng như sản phẩm dịch vụ, bao gồm từ khâu dự báo, hoạch định công suất, định vị công ty, điều độ tác nghiệp, sản xuất tinh gọn nhằm tổ chức quản trị doanh nghiệp hợp lý và hiệu quả. Môn học cũng trang bị cho học viên kiến thức và kỹ năng vận dụng vào quản lý chất lượng trong đơn vị sản xuất hay dịch vụ như các công cụ thống kê trong quản trị vận hành, các công cụ cốt lõi của IATF 16949, các công cụ 5S, JIT, TPM, hệ thống quản lý chất lượng... nhằm quản lý và cải tiến chất lượng sản phẩm và hoạt động hiệu quả hơn, nhanh chóng bắt nhịp với sự phát triển kinh tế xã hội.

(14) Quản trị dự án đầu tư (2TC)

Môn học giúp học viên thao tác được các kỹ năng công việc trong quá trình hình thành và phát triển ý tưởng dự án để đưa vào vận hành khai thác. Thiết lập và thẩm định dự án trên các khía cạnh pháp lý, vị trí, thị trường, kỹ thuật-công nghệ, quản lý nguồn nhân lực, phân tích tài chính, rủi ro. Thiết kế được mô hình tổ chức quản lý dự án; thực hiện được việc hoạch định, tổ chức thực hiện, kiểm tra, giám sát và kết thúc dự án.

(15) Quản trị Kinh doanh Quốc tế (2TC)

Môn học Quản trị Kinh doanh quốc tế trình bày các kiến thức nâng cao về kinh doanh quốc tế và toàn cầu hóa: các hoạt động thương mại quốc tế và đầu tư quốc tế trong môi trường kinh doanh quốc tế, môi trường kinh tế chính trị, môi trường văn hóa quốc tế, môi trường tài chính - tiền tệ quốc tế có nhiều biến động, các chiến lược kinh doanh quốc tế hiện đại và các hoạt động kinh doanh quốc tế trong thời kỳ cách mạng công nghiệp 4.0 và chuyển đổi số toàn cầu.

(16) Quản trị chuỗi cung ứng toàn cầu (2TC)

Môn học nhằm trang bị cho học viên cao học những kiến thức sâu về quản lý chuỗi cung ứng, bao gồm việc phân tích các nguyên lý, định nghĩa, giá trị, mục đích của chuỗi cung ứng với góc nhìn toàn cầu, có tương tác với các ngành khác như quản trị chiến lược, marketing, hành vi, công nghệ thông tin hiện đại. Đồng thời môn học cung cấp các phương pháp, các kỹ thuật quản lý chuỗi cung ứng toàn cầu để người học có được kiến thức nâng cao về chuỗi giá trị hiện đại.

(17) Quản trị các tổ chức công (2TC)

Môn học Quản lý công nhằm trang bị cho học viên cao học những kiến thức về kinh tế học thuộc khu vực công cộng như vấn đề về tính hiệu quả của việc điều hành trực tiếp của Nhà nước, các cơ chế, chính sách tài chính mà Nhà nước có thể điều tiết nhằm bảo đảm hiệu quả xã hội trong việc sản xuất hàng hóa, dịch vụ công cộng. Môn học trang bị các kiến thức và kỹ năng trong các hoạt động thuộc các lĩnh vực: Xây dựng, hoàn thiện, thực hiện và duy trì hệ thống hành chính của quốc gia một cách có hiệu quả; - Các hoạt động dưới dạng các chính sách của chính phủ, như các chính sách về thuế, phạt tiền, trợ cấp, hệ thống các quy định về tiêu chuẩn...; - Các hoạt động về cung ứng dịch vụ, sản xuất hàng hóa công cộng. Ngoài ra môn học còn đặt ra các vấn đề về sự lựa chọn công cộng, cũng như các giải pháp mang lại lợi ích chung của cộng đồng.

(18) Nhà nước và Pháp luật Việt Nam đương đại (2TC)

Môn học cung cấp cho học viên kiến thức chuyên sâu về quá trình hình thành và hoàn thiện bộ máy Nhà nước và hệ thống pháp luật Việt Nam hiện đại. Đặc biệt học viên nắm được những thành quả cũng như xác định những mục tiêu mang tính chiến lược cho việc tiếp tục hoàn thiện bộ máy Nhà nước theo định hướng kiến tạo phát triển và tư duy cách mạng trong hệ thống pháp luật Việt Nam trong giai đoạn mới.

(19) Tư duy phản biện và giải quyết vấn đề (2TC)

Tư duy phản biện là môn học trang bị cho sinh viên cách đánh giá thông tin, lập luận và tự đưa ra lập luận dựa trên các nguồn ý kiến đa dạng, trái chiều. Đây là kỹ năng cơ bản, giúp học viên xử lý các thông tin, lập luận, nghiên cứu một cách chính xác không những trong nhà trường mà còn trong đời sống sau này. Trong suốt khóa học, học viên áp dụng lý thuyết giải quyết những vấn đề bản thân hoặc xã hội quan tâm nhất.

(20) Sáng tạo và khởi nghiệp (2TC)

Môn học được thiết kế nhằm nâng cao tinh thần khởi nghiệp cho học viên là doanh nhân hoặc có triển vọng gia nhập vào đội ngũ doanh nhân tương lai. Môn học giúp doanh

nhân xác định được tinh thần khởi nghiệp và làm giàu chân chính; có năng lực khám phá được ý tưởng khởi nghiệp mới; Hiện thực hoá ý tưởng kinh doanh trong thực tiễn, cũng như quản trị thành công công ty khởi nghiệp, mở rộng, chuyển đổi phát triển doanh nghiệp bền vững.

(21) Quản trị đàm phán (2TC)

Môn học cung cấp cho sinh viên những kiến thức và kỹ năng chuyên sâu để học viên biết đưa ra những giải pháp cân bằng lợi ích, tìm được tiếng nói chung giữa các bên nhằm đàm phán, thương lượng hiệu quả trong môi trường kinh doanh.

(22) Quản trị quan hệ khách hàng - CRM (2TC)

Môn học này trang bị cho người học các kiến thức chuyên sâu về quản trị quan hệ khách hàng, quản trị cơ sở dữ liệu khách hàng, chiến lược quan hệ khách hàng, dịch vụ khách hàng, chăm sóc khách hàng, quản trị xung đột và duy trì sự hài lòng của khách hàng. Môn học cũng cung cấp kiến thức về mối quan hệ giữa Quản trị quan hệ khách hàng với Bán hàng và Marketing trong bối cảnh chuyển đổi số và mối quan hệ trực tuyến. Ngoài ra, môn học còn cung cấp kỹ năng về tổ chức thực hiện hoạt động CRM đối với doanh nghiệp, thực hiện kiểm tra đánh giá và điều chỉnh hoạt động quản trị quan hệ khách hàng.

(23) Quản trị rủi ro và sự thay đổi (2TC)

Môn học cung cấp cho học viên những kiến thức và kỹ năng về quản trị rủi ro, quản trị rủi ro chiến lược, môi trường văn hóa và những rủi ro, môi trường luật pháp - chính trị - kinh tế và các rủi ro, các rủi ro trong kinh doanh xuất nhập khẩu; các mô hình quản trị sự thay đổi, các mô hình và lãnh đạo sự thay đổi, các rào cản đối với sự thay đổi để vận dụng vào hoạt động của tổ chức. Bên cạnh đó, môn học kết hợp nâng cao các kỹ năng tư duy, giải quyết vấn đề và kỹ năng mềm trong giao tiếp, thuyết trình, làm việc nhóm... cho học viên.

(24) Tiếng Anh chuyên ngành (2TC)

This module consists of the first 8 chapters with a particular emphasis on the basic knowledge of business trends in diverse, global environments and business ownership. The module embarks with the introduction to fundamental, inter-related concepts in economics in this constantly changing world, followed by business ownership and entrepreneurship. Critical thinking skills, career skills and case study are integrated in each chapter in relation to clear-cut learning objectives.

(25) Chuyên đề: Phân tích hoạt động của Doanh nghiệp (5TC)

Phân tích doanh nghiệp giúp các nhà quản lý nắm được thực trạng của doanh nghiệp, dự đoán những rủi ro cũng như tiềm năng phát triển trong tương lai. Từ đó, nhà quản lý có

thể đưa ra những chính sách, kế hoạch phù hợp góp phần giảm thiểu rủi ro và nâng cao hiệu quả hoạt động. Một số yếu tố quan trọng khi thực hiện phân tích: Các thông tin tổng quan về doanh nghiệp như hoạt động kinh doanh, đầu tư, quản trị doanh nghiệp, ưu và nhược điểm; Những đặc điểm trong ngành nghề, lĩnh vực mà doanh nghiệp đang hoạt động; Phân tích nhu cầu của sản phẩm, dịch vụ mà doanh nghiệp đang cung cấp; Phân tích chi phí, khả năng cung cấp sản phẩm, dịch vụ của doanh nghiệp; Đề cập các yếu tố ảnh hưởng đến hoạt động, mục tiêu đã đề ra; Nêu lên các chỉ số tài chính quan trọng và có sự so sánh theo thời gian cũng như với các đối thủ cạnh tranh; Phân tích tài chính bao gồm báo cáo tài chính; phân tích xu thế công nghệ, dịch vụ; phân tích bối cảnh và thị trường.

(26) Seminar về các Xu hướng quản trị trong bối cảnh thương mại xuyên biên giới (4TC)

Hội nhập kinh tế quốc tế cùng với xu hướng toàn cầu hóa, liên kết hóa làm cho các nền kinh tế ngày càng phụ thuộc lẫn nhau. Sự bùng nổ của các mô hình kinh doanh số trên cơ sở của công nghệ thông tin và nền tảng số đã trở thành động lực cho sự phát triển của hoạt động thương mại xuyên biên giới. Seminar về các xu hướng quản trị làm rõ sự phát triển của dịch vụ, thương mại, các hình thức đầu tư... xuyên biên giới và một số vấn đề liên quan tới các cách tiếp cận thực tiễn của các công ty đa quốc gia trong bối cảnh hiện nay.

(27) Đề án tốt nghiệp (9TC)

Nội dung của đề án phải gắn liền với việc nghiên cứu thực tiễn tại một tổ chức, hoặc một ngành trên một địa bàn cụ thể và phù hợp với chuyên ngành đào tạo. Tập trung vào việc phát hiện và giải quyết vấn đề trong thực tiễn kinh doanh. Nội dung xuất phát từ ý tưởng xây dựng hoặc cải tiến hiệu quả của một hệ thống kinh doanh, một phòng ban chức năng, hoặc của một đơn vị trên một hoặc nhiều tiêu chí cụ thể. Giá trị của đề tài đóng góp vào việc nâng cao tính hiệu lực và hiệu quả của quá trình vận hành trong hoạt động kinh doanh của tổ chức.

IV. ĐỐI SÁNH CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO ĐÃ THAM KHẢO

Nội dung đối sánh	CTĐT ngành QTKD của Trường ĐH Nguyễn Tất Thành	CTĐT ngành QTKD của ĐH Kinh tế TP HCM	CTĐT ngành QTKD của Trường Đại học Tài chính - Marketing	CTĐT ngành QTKD của RMIT Việt nam	CTĐT ngành QTKD của London Met Uni	Nhận xét
Tổng số tín chỉ	60 TC	60 TC	60 TC	72 TC (CR Australia)	60 TC (#180 CR UK)	- So với các trường trong nước, số tín chỉ Đào tạo của trường NTT tương đương.
Cấu trúc chương trình: (Số lượng môn hoặc số tín chỉ)	- 16 môn bắt buộc (35 TC) - 3 môn tự chọn (6 TC) trong 8 môn - Thực tập (9 TC) - Đồ án (9 TC)	- 08 môn bắt buộc (26 TC) - Tự chọn 20 TC trong 12 môn (28 TC) - Đề án (14 TC)	- 09 môn bắt buộc (29 TC) - Tự chọn 7 môn (21 TC) bao gồm 4 môn (12 TC) trong 8 môn cơ sở ngành và 1 trong 3 nhóm ngành với 3 môn (9 TC) trong 6 môn. - Đề án (10 TC)	- 48 TC bắt buộc (8 môn) - 24 TC tự chọn, gồm: ▪ 4 môn (24 TC) ▪ Thực tập 24 TC	- 140 CR bắt buộc (7 môn) - 40 CR Business Research Project	- Gắn với thực tiễn hơn với phần thực tập và khá tương đồng với hướng U71D của các CTDH nước ngoài.
- Học phần đại cương / Khoa học cơ bản	06 TC - Triết học (3 TC) - PPCKKD (3 TC)	11 TC - Triết học (4 TC) - Anh văn (4 TC) - PPCKKH (3 TC)	15 TC - Triết học (4 TC) - Anh văn (5 TC) - Kinh tế học KD (3 TC) - PPCKKD (3 TC)	0 TC	0 TC	Tỷ trọng học phần đại cương nhỏ, và tỷ trọng học phần CS và cốt lõi ngành lớn
Học phần cơ sở và cốt lõi ngành	36 TC	35 TC	35 TC	48TC	140TC	Khối lượng học phần cơ sở và cốt lõi ngành của trường NTT tương đương với các chương trình đào tạo trong nước.
- Bắt buộc Cơ sở ngành	14 TC 1. QT Chiến lược (2TC) 2. QT Marketing (2TC) 3. QT Nguồn nhân lực (2TC) 4. Tài chính cho nhà QT (2TC) 5. Lãnh đạo- Leadership (3TC) 6. Đạo đức kinh doanh và Trách nhiệm xã hội doanh nghiệp (3TC)	14 TC 1. QT Chiến lược (3TC) 2. QT điều hành (3TC) 3. Tư duy phân tích và giải quyết vấn đề (3TC) 4. QT nguồn nhân lực (3TC) 5. Tài chính cho nhà QT (3TC)	14 TC 1. QT nguồn nhân lực nâng cao (3TC) 2. QT marketing toàn cầu (3TC) 3. QT chiến lược nâng cao (3TC) 4. QT tài chính doanh nghiệp nâng cao (3TC) 5. Kế toán QT (2TC)	1. Design Thinking for Business 2. Leadership and Management 3. Management of Technology and Innovation 4. Strategy 5. Marketing for Managers 6. Business Data Analytics 7. Financial Analytics for Managerial Decisions 8. Business Consulting	1. People and Organisations: Principles and Practices in Global Contexts 2. Marketing, Marketing Communications, and Operations 3. Accounting and Finance for Managers 4. Leadership and Strategic Management 5. Innovation Management 6. Developing Effectiveness in Management and Leadership 7. Management Learning and	- Số tín chỉ bắt buộc khối học phần cơ sở và cốt lõi ngành của trường NTT tương đồng với các đơn vị được đối sánh nhưng nhiều học phần hơn, do đó học viên được mở rộng kiến thức hơn.

Nội dung đối sánh	CTĐT ngành QTKD của Trường ĐH Nguyễn Tất Thành	CTĐT ngành QTKD của ĐH Kinh tế TP HCM	CTĐT ngành QTKD của Trường Đại học Tài chính - Marketing	CTĐT ngành QTKD của RMIT Việt nam	CTĐT ngành QTKD của London Met Uni	Nhận xét
Bắt buộc cốt lõi ngành	16 TC 1. KD Số (2TC) 2. Hệ thống thông tin quản lý (2TC) 3. Truyền thông Marketing tích hợp (2TC) 4. Hành vi tổ chức (2TC) 5. QT Vận hành (2TC) 6. Thâm định dự án đầu tư (2TC)* 7. KD Quốc tế (2TC) 8. QT chuỗi cung ứng toàn cầu (2TC)				Research	
	06 TC trong các môn 1. QT các tổ chức công (2TC)* 2. Nhà nước và Pháp luật Việt Nam đương đại (2TC)* 3. Tư duy phản biện và giải quyết vấn đề (2TC) 4. Sáng tạo và khởi nghiệp (2TC) 5. QT đàm phán (2TC) 6. QT quan hệ khách hàng - CRM (2TC) 7. QT rủi ro và sự thay đổi (2TC) 8. Tiếng Anh Chuyên ngành (2TC)	Tự chọn 20TC trong các môn 1. QT chất lượng (3TC) 2. QT Marketing (3TC) 3. Kế toán QT (3TC) 4. Triển khai chiến lược (3TC) 5. QT rủi ro doanh nghiệp (2TC) 6. QT khởi nghiệp (2TC) 7. Lãnh đạo (2TC) 8. Đạo đức kinh doanh và Trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp (2TC) 9. QT sáng tạo và đổi mới (2TC) 10. Văn hóa tổ chức (2TC) 11. KD điện tử (2TC) 12. QT chuỗi cung ứng (2TC)	12 TC * Tự chọn 1 trong 2 môn 1. Kinh tế lượng nâng cao (3TC) 2. Kinh tế lượng ứng dụng trong QTKD (3TC) * Tự chọn 1 trong 2 môn 1. QTKD dịch vụ (3TC) 2. Marketing dịch vụ (3TC) * Tự chọn 1 trong 2 môn 1. QTKD quốc tế (3TC) 2. QTKD toàn cầu (3TC) * Tự chọn 1 trong 2 môn 1. QT thương hiệu (3TC) 2. QT vận hành (3TC) 9 TC * Chọn 3 trong 6 môn (định hướng QTKD Tổng hợp) 1. QT bán hàng nâng cao (3TC) 2. QT chất lượng nâng cao (3TC) 3. QT sự thay đổi (3TC) 4. QT Logistics và Chuỗi cung ứng (3TC) 5. Nghệ thuật lãnh đạo (3TC) 6. Hành vi tổ chức (3TC)	Chọn trong 2 Khối Khối Sáng tạo và Kinh tế số (24 TC) 1. Digital Innovation 2. Digital Entrepreneurship 3. Technology Futures Digital 4. Risk Management and Information Security Khối điều hành Doanh nghiệp và Số hóa (24 TC) 1. People and Organisations 2. Personal Branding and Authentic Leadership 3. Leading in the Age of Digital Disruption 5. Digital Entrepreneurship	Không tự chọn	
Tự chọn cốt lõi ngành						

Nội dung đối sánh	CTĐT ngành QTKD của Trường ĐH Nguyễn Tất Thành	CTĐT ngành QTKD của ĐH Kinh tế TP HCM	CTĐT ngành QTKD của Trường Đại học Tài chính - Marketing	CTĐT ngành QTKD của RMIT Việt Nam	CTĐT ngành QTKD của London Met Uni	Nhận xét
Thực tập và tốt nghiệp	1. Thực tập (9 TC) 2. Đồ án (9 TC)	Đề án (14 TC)	Đề án (10 TC)	(Tự chọn) Thực tập 12-24 TC	Business Research Project (40 RC)	So với các chương trình đào tạo khác, chỉ có chương trình đào tạo của trường NTT có nội dung thực tập doanh nghiệp và làm đồ án. Đây là điểm mạnh giúp chương trình đào tạo gắn liền với định hướng ứng dụng và thực tiễn trong doanh nghiệp.
Phương pháp giảng dạy/học tập	1. Phương pháp giảng dạy chủ động (Active Teaching) hướng tới việc hoạt động hóa, chủ động hóa của người học. 2. Đa dạng phương thức học tập: học trực tuyến, thực tập, học qua video, thảo luận trên lớp và tự học, tự nghiên cứu (bắt buộc) 3. Ứng dụng case-study, work-based and practice-based 4. Đa dạng kiểm tra đánh giá phù hợp 5. Hỗ trợ, phản hồi và nhận xét cho từng HV thông qua GV, Cố vấn HT..	1. Áp dụng phân tích tình huống, nghiên cứu các lý thuyết nền tảng và xu hướng nghiên cứu cập nhật trong từng lĩnh vực giúp học viên hình thành và nâng cao năng lực giải quyết vấn đề trong kinh doanh. 2. Tổ chức triển khai nghiên cứu độc lập, và phân tích kết quả nghiên cứu phục vụ cho việc ứng dụng vào thực tiễn hoạt động QT kinh doanh của các tổ chức.	1. Phương pháp thuyết giảng kết hợp với thảo luận, thuyết trình nhóm và thực hiện các bài tập tình huống. 2. Học viên được đánh giá qua điểm quá trình thông qua các hình thức làm bài tập cá nhân, thuyết trình, báo cáo nhóm, thảo luận trên lớp và điểm thi kết thúc học phần.		1. Phương pháp giảng dạy tích cực, flipped classroom, tương tác tối đa 2. Đa dạng phương thức học tập: học trực tuyến, thực tập, học qua video, thảo luận trên lớp và tự học, tự nghiên cứu (bắt buộc) 3. Ứng dụng case-study, work-based and practice-based 4. Đa dạng kiểm tra đánh giá phù hợp 5. Hỗ trợ, phản hồi và nhận xét cho từng HV thông qua GV, Cố vấn HT..	Phương pháp dạy học tại NTT giúp học viên chủ động được nhiều hơn.
Học phí	Từ 65 – 75 triệu/khóa	Từ 65 – 70 triệu/khóa	48 triệu/khóa	615.398.000 đồng (27.122 USD)		- Mức học phí của NTT ở mức bình quân so với các cơ sở giáo dục khác ở trong nước và xấp xỉ 30% so với các chương trình đào tạo quốc tế.
Các đối sánh khác (nếu có)	Học trong nước (2 năm) và có thực tập tại tổ chức doanh nghiệp	Học trong nước (2 năm)	Học trong nước (2 năm)	18 tháng	18 tháng	NTTU định hướng ứng dụng rõ và chuẩn bị cho lớp tri thức hội nhập, quốc tế hóa

V. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH

1. Hình thức tổ chức giảng dạy

– Giảng viên, Giảng viên khách mời giảng dạy chương trình MBA của Trường NTTU dày dặn kinh nghiệm, đều là các Tiến sĩ, Phó giáo sư và Giáo sư làm việc và giảng dạy trong các trường Đại học trong và ngoài nước, có kinh nghiệm trong khối Nhà nước và doanh nghiệp, các công ty toàn cầu.

– Chương trình dạy bằng tiếng Việt với giáo trình tăng cường và khuyến khích song ngữ tiếng Anh. Phương pháp giảng dạy chủ động (Active Teaching) hướng tới việc hoạt động hóa, chủ động hóa hoạt động nhận thức của người học, tập trung vào phát huy tính chủ động của người học

– Các bài giảng sẽ được kết hợp với những trường hợp thực tế sẽ mang lại những phân tích quý báu cho thực tiễn công việc hiện nay và tương lai của học viên. Ngoài ra, trao đổi Nhóm, các buổi trình bày thảo luận sẽ giúp học viên nâng cao tư duy phản biện và sức sáng tạo, phát triển góc nhìn đa văn hóa cho thời kỳ hội nhập và thời đại công nghiệp 4.0.

Học viên có thể chọn các môn học theo định hướng, được hướng dẫn nhiều giờ tự học cũng như làm bài tập thuận tiện cho việc chủ động thời gian.

2. Hình thức kiểm tra, đánh giá: đánh giá giữa kỳ và kết thúc học phần thông qua các hình thức thuyết trình, viết tiểu luận hoặc thi thi tự luận, vấn đáp.
3. Yêu cầu về Cơ sở vật chất: phòng học có máy chiếu, phòng máy vi tính, phòng máy tính, các điều kiện cơ sở vật khác phục vụ nhu cầu dạy và học.

HIỆU TRƯỞNG

(Ký tên và đóng dấu)



TS. Trần Ai Cẩm

TRƯỞNG KHOA

(Ký tên và ghi rõ họ tên)

TS. Nguyễn Tuấn Nhi